

Số: *1928* /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị; căn cứ QCVN 01:2008/BXD; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành liên quan;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị”;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2009 của Bộ Xây dựng “Hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế”;

Căn cứ Quy hoạch chung xây dựng huyện Hải Hà được UBND tỉnh duyệt tại Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 05/9/2008; Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/10.000 Khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 06/2/2012.

Căn cứ Thông báo số 45/UBND-GT1 ngày 30/3/2012 của UBND tỉnh “Thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Đỗ Thông – Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh tại cuộc họp bàn triển khai xây dựng một số công trình hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Căn cứ văn bản số 2278/BGTVT-KHĐT ngày 03/04/2012 của Bộ Giao thông Vận tải thông báo ý kiến của Bộ Bộ Giao thông Vận tải về các đề xuất quy hoạch, đầu tư các bến cảng thuộc khu vực tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ văn bản số 1135/BXD-KTQH ngày 12/7/2012 của Bộ Xây dựng về việc góp ý Đề án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp-Cảng biển Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 236/TTr-SXD ngày 8/6/2012; Hồ sơ đề án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp – Cảng biển Hải Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh đã được Bộ Xây dựng tham gia ý kiến, Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà thỏa thuận, Sở Xây dựng thẩm định, trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghiệp - cảng biển Hải Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, diện tích:

1.1. Phạm vi ranh giới (theo điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/10.000 Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh được UBND tỉnh phê duyệt (tại Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 06/2/2012) cụ thể: Nằm trong phạm vi ranh giới hành chính của 5 xã (xã Quảng Điền, xã Quảng Phong, xã Phú Hải, xã Tiên Tới và xã Cái Chiên) thuộc huyện Hải Hà, có phạm vi: Phía Bắc giáp thị trấn Quảng Hà; phía Nam giáp xã Cái Chiên; phía Đông giáp vịnh Cửa Đại; phía Tây giáp xã Quảng Phong.

1.2. Diện tích lập quy hoạch: 4.988,00 ha.

2. Tính chất: Là Khu công nghiệp - cảng biển; phát triển các Nhà máy sản xuất công nghiệp (Nhà máy luyện cán thép, hóa dầu, luyện hóa than, sản xuất sô đa, đóng tàu, lắp ráp ô tô...); cảng tổng hợp, cảng nước sâu, cảng chuyên dụng; hệ thống kho cảng chuyên dụng xuất nhập khẩu xăng dầu; công nghiệp vật liệu xây dựng; các ngành công nghiệp phụ trợ và hệ thống cảng tổng hợp phục vụ Khu công nghiệp.

3. Nội dung chính quy hoạch:

3.1. Cơ cấu phân khu chức năng:

a. Cơ cấu phân khu chức năng, sử dụng đất khu công nghiệp:

- Trong Quy hoạch bố trí thêm hệ thống kênh thoát nước theo hướng Đông - Tây để đảm bảo thoát nước mặt tốt hơn. Cụ thể: Chuyển đổi một phần đất xây dựng nhà máy công nghiệp (ký hiệu là lô HH2-3 theo quy hoạch chung) thành hệ thống kênh nước kết hợp với chuyển đổi chức năng khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý chất thải, rác thải tập trung theo quy hoạch chung - ký hiệu lô HH2-6) thành hồ điều hòa, cây xanh từ để đảm bảo thông thủy, thoát nước từ sông Cái Đại Hoàng. Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật được chuyển lên phía Bắc (tiếp giáp với khu hồ điều hòa, cây xanh).

- Ngoài nội dung trên, các phân khu chức năng trong đồ án tuân thủ theo quy hoạch chung đã được phê duyệt; cụ thể:

+ Khu nhà máy công nghiệp, công nghiệp nhẹ - công nghiệp phụ trợ, bãi thải xỉ, Nhà máy xử lý chất thải rắn được bố trí đảm bảo cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch chung đã duyệt được quy hoạch thành từng cụm theo tuyến đường giao thông trục chính (hướng Tây Bắc – Đông Nam).

+ Đất xây dựng trung tâm điều hành bố trí thành 06 khu. Đất dịch vụ công nghiệp bao gồm đất dành để xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ thương mại, trung tâm điều hành và đất dành để xây dựng khu văn phòng. Đất dịch vụ công nghiệp được bố trí tập trung, nằm tại trung tâm khu công nghiệp, gần ga đường sắt, trung tâm phân phối hàng hóa logistics, gần công viên – cây xanh; vị trí thuận tiện giao dịch, điều hành, tận dụng cảnh quan thiên nhiên, liên hệ dễ dàng với các phân khu công nghiệp khác.

+ Trung tâm phân phối hàng hoá được bố trí ngay phía sau khu cảng giáp với điểm cuối của tuyến đường sắt, đảm nhận việc tiếp chuyển, lưu kho, phân

phôi hàng hoá từ cảng đến các nhà máy, xí nghiệp trong Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà và trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

+ Khu nhà máy đóng tàu và công nghiệp phụ trợ đóng tàu nằm tại phía Đông Khu công nghiệp, mặt phía Đông giáp biển nhằm tạo tuyến đường bờ xây dựng các công trình thuỷ công của Nhà máy đóng tàu và tiếp cận gần nhất với giao thông đường thuỷ.

+ Khu dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp và trung tâm điều hành khu công nghiệp được bố trí tại các vị trí trung tâm, gần với tuyến đường trục chính của KCN nhằm tạo thuận tiện cho các hoạt động điều hành, giao dịch thương mại, quản lý nhà nước, dịch vụ hỗ trợ hoạt động sản xuất...

+ Các khu vực cây xanh, mặt nước được bố trí đan xen các nhà máy xí nghiệp và dọc các tuyến đường giao thông trục chính, vừa tạo khoảng cách an toàn trong phòng chống cháy nổ, ngăn bụi, vừa tạo các mảng kiến trúc xanh trong Khu công nghiệp, tạo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường khu vực.

- Về cảng biển: Khu cảng tổng hợp, container cho cỡ tàu 20.000 ÷ 30.000DWT được bố trí tại khu vực có độ sâu tự nhiên lớn gần cửa Đại. Các khu cảng tổng hợp, container, cảng hàng lỏng cho cỡ tàu nhỏ và vừa (1.000÷10.000DWT) được bố trí lùi về gần Hòn Tợn và Hòn Miều. Khu cảng hàng rời nằm bao quanh khu vực Hòn Miều hiện hữu. Trong quá trình xây dựng sẽ tiến hành san gạt Hòn Miều để phục vụ xây dựng khu cảng và hậu cảng. Tuyến bên định hướng phát triển cho tàu trọng tải lớn đến 80.000DWT được phát triển ra lạch sâu gần cửa Đại. Vùng hậu phương cảng có chiều rộng 500-600m đảm bảo thuận lợi cho quá trình công nghệ khai thác cảng

b. Phân cụm (nhóm) công nghiệp và phân lô các nhà máy:

- Trên cơ sở phân loại các ngành công nghiệp theo các đặc thù giống nhau về các mặt như: Tính chất của nguyên vật liệu, nhiên liệu và sản phẩm đầu ra; nhu cầu về vận chuyển nguyên vật liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra; các nhu cầu về kho bãi vật tư, sản phẩm đầu ra và các kho bãi trung chuyển; các loại phế thải ở các dạng khí, lỏng, rắn, mức độ ô nhiễm và công nghệ xử lý; các dịch vụ khác có liên quan đến quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phân cụm các ngành công nghiệp để bố trí, sắp xếp các ngành công nghiệp trong Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà.

- Nguyên tắc bố trí các ngành công nghiệp: Các ngành nghề đòi hỏi cao về việc vận chuyển nguyên vật liệu; vật tư thiết bị nặng, cần nhiều bến bãi kho tàng được bố trí gần cảng, ga đường sắt, kho bãi; các ngành khác có đặc thù giống nhau thì bố trí gần nhau; các ngành có nhiều khí thải, chất thải rắn, chất thải lỏng độc hại phải bố trí cuối hướng gió chủ đạo, cuối nguồn nước và có dải cây xanh cách ly; các ngành đòi hỏi công nghệ xử lý chất thải giống nhau thì bố trí gần nhau.

- Việc chia lô các xí nghiệp công nghiệp căn cứ vào quy mô, loại hình của xí nghiệp, đảm bảo giao thông, cung cấp hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào, có kế hoạch phát triển mở rộng, thuận lợi cho quản lý điều hành.

c. Các thông số kinh tế - kỹ thuật chính:

- Bảng cân bằng sử dụng đất:

Stt	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà máy công nghiệp	CN	2116,55	42,43
2	Bãi thải xỉ và nhà máy xử lý chất thải rắn	MT	246,40	4,94
3	Cảng biển	CB	629,50	12,62
4	Trung tâm phân phối hàng hóa và dịch vụ hậu cảng	PP	119,87	2,40
5	Trung tâm điều hành	CC	79,28	1,59
6	Dịch vụ phục vụ khu công nghiệp	DV	177,17	3,55
7	Đầu mối hạ tầng kỹ thuật	HT	90,43	1,81
8	Cây xanh, hồ nước, mặt nước cảng	CX	970,74	19,46
9	Giao thông và dự trữ phát triển giao thông	GT	558,06	11,19
	Tổng		4.988,00	100,00

- Bảng danh mục sử dụng đất:

Stt	Khu chức năng	Kí hiệu	Diện tích	Mật độ xây dựng	Hệ số SĐĐ	Tầng cao tối đa (tầng)
I	Công nghiệp đóng tàu - Phụ trợ đóng tàu	CN1	454,78			
1	Nhà máy đóng tàu	CN1.1	95,93	40	0,8	5,0
2	Công nghiệp phụ trợ đóng tàu	CN1.2	72,69	40	0,8	5,0
3	Công nghiệp phụ trợ đóng tàu	CN1.3	46,89	50	1,5	3,0
4	Công nghiệp phụ trợ đóng tàu	CN1.4	51,47	50	1,5	3,0
5	Công nghiệp phụ trợ đóng tàu	CN1.5	60,51	50	1,5	3,0
6	Công nghiệp phụ trợ đóng tàu	CN1.6	127,29	50	1,5	3,0
II	Nhà máy công nghiệp	CN2	837,41			
1	Nhà máy công nghiệp	CN2.1	20,49	50	1,5	3,0
2	Nhà máy công nghiệp	CN2.2	20,52	50	1,5	3,0
3	Nhà máy công nghiệp	CN2.3	17,77	50	1,5	3,0
4	Nhà máy công nghiệp	CN2.4	17,77	50	1,5	3,0
5	Nhà máy công nghiệp	CN2.5	17,78	50	1,5	3,0
6	Nhà máy công nghiệp	CN2.6	17,78	50	1,5	3,0
7	Nhà máy công nghiệp	CN2.7	20,53	50	1,5	3,0
8	Nhà máy công nghiệp	CN2.8	20,50	50	1,5	3,0
9	Nhà máy công nghiệp	CN2.9	14,11	50	1,5	3,0
10	Nhà máy công nghiệp	CN2.10	14,10	50	1,5	3,0
11	Nhà máy công nghiệp	CN2.11	15,53	50	1,5	3,0
12	Nhà máy công nghiệp	CN2.12	15,53	50	1,5	3,0
13	Nhà máy công nghiệp	CN2.13	18,29	50	1,5	3,0
14	Nhà máy công nghiệp	CN2.14	18,30	50	1,5	3,0
15	Nhà máy công nghiệp	CN2.15	14,11	50	1,5	3,0
16	Nhà máy công nghiệp	CN2.16	14,10	50	1,5	3,0
17	Nhà máy công nghiệp	CN2.17	15,53	50	1,5	3,0
18	Nhà máy công nghiệp	CN2.18	15,53	50	1,5	3,0
19	Nhà máy công nghiệp	CN2.17	18,29	50	1,5	3,0
20	Nhà máy công nghiệp	CN2.18	18,30	50	1,5	3,0
21	Nhà máy công nghiệp	CN2.21	75,25	50	1,5	3,0

22	Nhà máy công nghiệp	CN2.22	66,30	50	1,5	3,0
23	Nhà máy công nghiệp	CN2.23	65,56	50	1,5	3,0
24	Nhà máy công nghiệp	CN2.24	91,24	50	1,5	3,0
25	Nhà máy công nghiệp	CN2.25	82,72	60	1,2	2,0
26	Nhà máy công nghiệp	CN2.26	39,38	50	1,5	3,0
27	Nhà máy công nghiệp	CN2.27	29,30	50	1,5	3,0
28	Nhà máy công nghiệp	CN2.28	42,80	50	1,5	3,0
III	Công nghiệp vật liệu xây dựng	CN3	339,48			
1	Công nghiệp vật liệu xây dựng	CN3.1	38,02	60	1,2	2,0
2	Công nghiệp vật liệu xây dựng	CN3.2	36,88	60	1,2	2,0
3	Công nghiệp vật liệu xây dựng	CN3.3	37,97	60	1,8	3,0
4	Công nghiệp vật liệu xây dựng	CN3.4	38,63	60	1,8	3,0
5	Công nghiệp vật liệu xây dựng	CN3.5	38,58	60	1,8	3,0
6	Công nghiệp vật liệu xây dựng	CN3.6	29,42	60	1,8	3,0
7	Công nghiệp vật liệu xây dựng	CN3.7	29,65	60	1,8	3,0
8	Công nghiệp vật liệu xây dựng	CN3.8	90,33	50	1,5	3,0
III	Công nghiệp nhẹ - công nghiệp phụ trợ	CN4	484,88			
1	Công nghiệp nhẹ-công nghiệp phụ trợ	CN4.1	59,06	60	1,8	3,0
2	Công nghiệp nhẹ-công nghiệp phụ trợ	CN4.2	57,16	60	1,5	2,5
3	Công nghiệp nhẹ-công nghiệp phụ trợ	CN4.3	48,45	60	1,8	3,0
4	Công nghiệp nhẹ - công nghiệp phụ trợ	CN4.4	47,52	60	1,8	3,0
5	Công nghiệp nhẹ - công nghiệp phụ trợ	CN4.5	67,58	60	1,8	3,0
6	Công nghiệp nhẹ - công nghiệp phụ trợ	CN4.6	65,59	60	1,8	3,0
7	Công nghiệp nhẹ - công nghiệp phụ trợ	CN4.7	53,82	60	1,8	3,0
8	Công nghiệp nhẹ - công nghiệp phụ trợ	CN4.8	85,70	60	1,8	3,0
IV	Bãi thải xỉ và Nhà máy xử lý chất thải rắn	MT	246,40			
1	Bãi thải xỉ	MT1	18,14	40	1,2	3,0
2	Bãi thải xỉ	MT2	18,13	40	1,2	3,0
3	Bãi thải xỉ	MT3	19,97	40	1,2	3,0
4	Bãi thải xỉ	MT4	19,97	40	1,2	3,0
5	Bãi thải xỉ	MT5	23,51	40	1,2	3,0
6	Bãi thải xỉ	MT6	23,52	40	1,2	3,0
7	Nhà máy xử lý chất thải rắn	MT7	18,13	40	1,2	3,0
8	Nhà máy xử lý chất thải rắn	MT8	18,12	40	1,2	3,0
9	Nhà máy xử lý chất thải rắn	MT9	19,95	40	1,2	3,0
10	Nhà máy xử lý chất thải rắn	MT10	19,96	40	1,2	3,0
11	Nhà máy xử lý chất thải rắn	MT11	23,49	40	1,2	3,0
12	Nhà máy xử lý chất thải rắn	MT12	23,51	40	1,2	3,0
V	Dịch vụ cảng biển	CB	629,50			
1	Kho - cảng container	CB1	70,77	40	1,0	5,0
2	Kho - cảng container	CB2	70,78	40	1,0	5,0
3	Kho - cảng tổng hợp - container	CB3	73,35	40	1,0	5,0
4	Kho - cảng tổng hợp - container	CB4	44,90	40	1,0	5,0
5	Kho - cảng hàng rời và hàng lỏng	CB5	24,08	40	1,0	5,0
6	Kho - cảng hàng rời và hàng lỏng	CB6	24,19	40	1,0	5,0
7	Kho - cảng hàng rời và hàng lỏng	CB7	32,21	40	1,0	5,0

8	Kho - cảng hàng lỏng	CB8	27,66	40	1,0	5,0
9	Kho - cảng hàng lỏng	CB9	31,92	40	1,0	5,0
10	Kho - cảng hàng lỏng	CB10	27,66	40	1,0	5,0
11	Kho - cảng hàng lỏng	CB11	31,92	40	1,0	5,0
12	Kho - cảng hàng rời	CB12	62,42	40	1,0	5,0
13	Kho - cảng hàng rời	CB13	107,64	40	1,0	5,0
VI	Trung tâm phân phối hàng hoá	PP	119,87			
1	Trung tâm phân phối hàng hoá	PP1	20,28	40	1,0	5,0
2	Trung tâm phân phối hàng hoá	PP2	22,33	40	1,0	5,0
3	Trung tâm phân phối hàng hoá	PP3	18,95	40	1,0	5,0
4	Trung tâm phân phối hàng hoá	PP4	20,87	40	1,0	5,0
5	Trung tâm phân phối hàng hoá	PP5	17,82	40	1,0	5,0
6	Trung tâm phân phối hàng hoá	PP6	19,62	40	1,0	5,0
VII	Cây xanh cách ly	CX	970,74			
1	Cây xanh	CX1	27,41	-	-	-
2	Cây xanh	CX2	21,47	-	-	-
3	Cây xanh	CX3	32,51	-	-	-
4	Cây xanh	CX4	14,24	-	-	-
5	Cây xanh	CX5	9,25	-	-	-
6	Cây xanh	CX6	9,23	-	-	-
7	Cây xanh	CX7	21,40	-	-	-
8	Cây xanh cách ly	CXCL	39,65	-	-	-
9	Cây xanh	CX8	103,28	-	-	-
10	Cây xanh	CX9	4,95	-	-	-
11	Cây xanh	CX10	3,56	-	-	-
12	Cây xanh	CX11	4,05	-	-	-
13	Cây xanh	CX12	23,18	-	-	-
14	Cây xanh	CX13	64,61	-	-	-
15	Cây xanh	CX14	55,94	-	-	-
16	Cây xanh	CX15	125,64	-	-	-
17	Cây xanh	CX16	33,32	-	-	-
18	Cây xanh cách ly	CXCL	118,05	-	-	-
19	Mặt nước cảng	MNC	259,00	-	-	-
VIII	Trung tâm điều hành	CC	79,28			
1	Trung tâm điều hành	CC1	13,08	40	1,0	3,0
2	Trung tâm điều hành	CC2	13,05	40	1,0	3,0
3	Trung tâm điều hành	CC3	12,34	40	2,0	5,0
4	Trung tâm điều hành	CC4	12,35	40	2,0	5,0
5	Trung tâm điều hành	CC5	14,27	40	2,0	5,0
6	Trung tâm điều hành	CC6	14,19	40	2,0	5,0
VIII	Dịch vụ phục vụ khu công nghiệp	DV	177,17			
1	Dịch vụ phục vụ khu công nghiệp	DV1	72,35	60	3,0	5,0
2	Dịch vụ phục vụ khu công nghiệp	DV2	104,82	60	3,0	5,0
VIII	Hạ tầng kỹ thuật	HT	90,43			
1	Trạm điện	TD	5,59	-	-	-
2	Trạm cấp nước	TN	5,66	-	-	-
3	Trạm xử lý nước thải, chất thải rắn	HT	79,18	-	-	-

IX	Giao thông và dự trữ phát triển GT	GT	558,06	-	-	-
----	------------------------------------	----	--------	---	---	---

3.2. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.

3.2.1 Yêu cầu tổ chức bố cục không gian kiến trúc cảnh quan:

- Đảm bảo phân khu chức năng hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng ngay trong giai đoạn đầu, tạo động lực và cơ hội phát triển năng động bền vững trong tương lai. Các phân khu chức năng trong khu công nghiệp được bố trí thành các khu chức năng riêng, nhưng có quan hệ mật thiết và hỗ trợ lẫn nhau; các khu chức năng hợp lý, liên hoàn tạo điều kiện khai thác tối đa hiệu suất từng khu và nâng cao hiệu quả khai thác của toàn bộ khu vực.

- Đảm bảo phát triển Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà trên cơ sở gắn với phát triển kinh tế của toàn tỉnh Quảng Ninh và định hướng phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

- Đảm bảo khai thác hợp lý tiềm năng, tài nguyên thiên nhiên, đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội nhưng vẫn đảm bảo môi trường sinh thái bền vững.

- Đặc biệt quan tâm đến môi trường, hiệu quả kinh tế - xã hội và cảnh quan của khu kinh tế trong giải pháp quy hoạch.

3.2.2 Các khu chức năng trong Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà được triển khai như sau:

a. Công nghiệp đóng tàu và phụ trợ đóng tàu: Được bố trí tại góc phía Đông của khu công nghiệp, tiếp giáp khu cảng tổng hợp và container về phía Nam, tiếp giáp khu công nghiệp nhẹ và trung tâm phân phối hàng hóa về phía Tây và công nghiệp vật liệu xây dựng về phía Bắc. Việc bố trí phân khu công nghiệp đóng tàu tại góc đường ranh giới quy hoạch Khu công nghiệp tạo thuận lợi cho việc bố trí các công trình thủy công trong nhà máy, nâng cao hiệu quả khai thác Nhà máy đóng và sửa chữa tàu. Tổng diện tích toàn bộ phân khu chức năng này là 454,78ha, bao gồm 2 phần: Nhà máy đóng tàu có diện tích 95,93ha và khu phụ trợ đóng tàu có diện tích 358,85ha. Tổng chiều dài đường bờ 3.120m trong đó đường bờ Nhà máy đóng tàu là 1.210m và đường bờ khu phụ trợ đóng tàu là 1.910m.

- Mật độ xây dựng: 50%; Hệ số sử dụng: 1,2; Tầng cao tối đa: 05 tầng; Khoảng lùi xây dựng so với tường rào các bên: Tối thiểu 6m.

- Các công trình phân khu công nghiệp đóng tàu bao gồm: Ụ đóng mới và sửa chữa tàu, các công trình triền đà, cầu tàu trang trí và nhập vật tư phục vụ đóng tàu, tuyến kè bờ, các công trình nhà xưởng kho chứa, hệ thống đường bãi, nhà điều hành, các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước và các công trình phụ trợ khác...

b. Nhà máy công nghiệp: Các nhà máy công nghiệp (bao gồm luyện cán thép, luyện than, hoá dầu...) được bố trí tại trung tâm khu đất, phía sau khu cảng, tiếp giáp tuyến đường sắt, tạo thuận lợi cho nhập nguyên vật liệu và xuất thành phẩm với khối lượng lớn của các ngành công nghiệp như luyện cán thép, luyện than. Tổng diện tích quy hoạch các Nhà máy công nghiệp là 837,41ha. Hình thức kiến trúc các công trình đơn giản, hiện đại, dành nhiều không gian trống phía trước nhà máy để trồng cây xanh và các tiểu cảnh kiến trúc.

- Mật độ xây dựng: 50÷60%; Hệ số sử dụng: 1,5; Tầng cao tối đa: 03 tầng; Khoảng lùi xây dựng so với tường rào các bên: Tối thiểu 6m.

- Các công trình phân khu Nhà máy công nghiệp bao gồm: hệ thống nhà xưởng, kho chứa, đường bãi, nhà điều hành, các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước và các công trình phụ trợ khác...

c. Công nghiệp vật liệu xây dựng: Được bố trí phía Đông Bắc khu công nghiệp, tiếp giáp khu công nghiệp phụ trợ đóng tàu về phía Nam, khu công nghiệp nhẹ về phía Tây và mặt nước về phía Đông. Toàn bộ diện tích phân khu vật liệu xây dựng là 339,48ha. Hình thức kiến trúc các công trình đơn giản, hiện đại, dành nhiều không gian trống phía trước nhà máy để trồng cây xanh và các tiểu cảnh kiến trúc.

- Mật độ xây dựng : 60%; Hệ số sử dụng: 1,8; Tầng cao tối đa: 03 tầng; Khoảng lùi xây dựng so với tường rào các bên: Tối thiểu 6m

- Các công trình phân khu vật liệu xây dựng bao gồm: hệ thống nhà xưởng, kho chứa, đường bãi, nhà điều hành, các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước và các công trình phụ trợ khác,...

d. Công nghiệp nhẹ và công nghiệp phụ trợ: Được chia làm 2 khu: Một khu nằm phía góc Tây Bắc của Khu công nghiệp, một khu nằm phía Đông, giáp phân khu công nghiệp vật liệu xây dựng và công nghiệp phụ trợ đóng tàu ở phía Đông, giáp khu dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp ở phía Bắc và giáp tuyến đường trục chính của Khu công nghiệp ở phía Tây. Tổng diện tích dành cho phát triển công nghiệp nhẹ và công nghiệp phụ trợ là 484,88ha. Hình thức kiến trúc các công trình đơn giản, hiện đại, dành nhiều không gian trống phía trước nhà máy để trồng cây xanh và các tiểu cảnh kiến trúc.

- Mật độ xây dựng : 60%; Hệ số sử dụng: 1,8; Tầng cao tối đa: 03 tầng; Khoảng lùi xây dựng so với tường rào các bên: Tối thiểu 6m.

- Các công trình phân khu công nghiệp nhẹ và công nghiệp phụ trợ bao gồm: hệ thống nhà xưởng, kho chứa, đường bãi, nhà điều hành, các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước và các công trình phụ trợ khác,...

e. Kho cảng hàng lỏng: Được bố trí tại phía Nam của khu công nghiệp, đoạn nối từ Hòn Tọng sang Hòn Miều, gắn với hệ thống cảng hàng lỏng phục vụ việc xuất nhập xăng dầu. Phía Đông giáp khu cảng tổng hợp, container; phía Tây giáp Nhà máy công nghiệp; phía Bắc giáp dải cây xanh cách ly và phía Nam giáp khu nước. Trong giai đoạn trước mắt (đến 2015), xây dựng hệ thống kho hàng lỏng sức chứa 30.000m³ phục vụ nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong khu vực và một phần tạm nhập tái xuất sang các tỉnh phía Nam Trung Quốc. Khu hóa dầu và hệ thống kho bồn chứa dầu được bố trí biệt lập, xung quanh bố trí các khu cây xanh cách ly đảm bảo yêu cầu phòng hỏa nghiêm ngặt. Các sản phẩm xăng dầu được vận chuyển bằng hệ thống đường ống dẫn riêng biệt. Vị trí bố trí kho chứa dầu đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy, nổ và yêu cầu bảo vệ môi trường. Khi lập các dự án thành phần yêu cầu nghiên cứu kỹ về tác động môi trường khi phát triển khu vực kho chứa dầu. Tổng diện tích toàn bộ phân khu là 199,64ha. Hình thức kiến trúc các công trình đơn giản, hiện đại, dành nhiều không gian trống phía trước nhà máy để trồng cây xanh và các tiểu cảnh kiến trúc.

- Mật độ xây dựng: 40%; Hệ số sử dụng: 1,0; Tầng cao tối đa: 05 tầng; Khoảng lùi xây dựng so với tường rào các bên: Tối thiểu 6m.

- Các công trình phân khu công nghiệp hóa dầu bao gồm: hệ thống kho

bồn chứa, nhà điều hành, các khu cây xanh cách ly, các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước, cứu hỏa và các công trình phụ trợ khác,...

f. Dịch vụ cảng biển và trung tâm phân phối hàng hóa:

- Được bố trí ở khu vực có độ sâu lớn nhằm giảm khối lượng nạo vét, thuận lợi cho tàu lớn ra vào tại phía Đông và Đông Nam khu công nghiệp, trung tâm phân phối hàng hóa bố trí tại trung tâm khu công nghiệp, liền kề ga đường sắt. Đây là đầu mối vận tải hàng hóa phục vụ các ngành công nghiệp của toàn khu công nghiệp Hải Hà và các khu vực lân cận. Trung tâm phân phối hàng hóa bố trí ngay phía sau tạo thuận lợi cho việc làm các thủ tục hải quan, trung chuyển hàng hóa cho khu công nghiệp và cho toàn vùng,.... Tổng diện tích phân khu dịch vụ cảng biển và trung tâm phân phối hàng hóa (không bao gồm kho cảng hàng lỏng) là 549,73ha; trong đó: Khu cảng tổng hợp – container có diện tích 259,80ha; khu cảng hàng rời có diện tích 170,06ha; trung tâm phân phối hàng hóa có diện tích 119,87ha.

- Mật độ xây dựng : 40%; hệ số sử dụng: 1,0; tầng cao tối đa: 05 tầng; khoảng lùi xây dựng so với tường rào các bên tối thiểu 6m

- Các công trình phân khu dịch vụ cảng biển và trung tâm phân phối hàng hóa bao gồm: Hệ thống bến cảng tiếp nhận hàng tổng hợp, hàng container, hàng rời; hệ thống kho chứa hàng hóa; hệ thống đường, bãi chứa hàng tổng hợp, bãi chứa container, bãi chứa hàng rời; các công trình nhà điều hành, các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước, cứu hỏa và các công trình phụ trợ khác,...

g. Khu dịch vụ công nghiệp và trung tâm điều hành: Chia làm 03 khu vực chính:

- Khu dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp nằm tại phía Bắc, đối diện về hai phía tuyến đường trục chính. Diện tích 177,17ha; mật độ xây dựng: 60%; hệ số sử dụng: 3,0; tầng cao tối đa: 05 tầng; khoảng lùi xây dựng so với tường rào các bên tối thiểu 6m.

- Khu trung tâm điều hành nằm tại trung tâm KCN tạo thuận lợi cho việc điều hành, và thực hiện các vấn đề thương mại, dịch vụ công nghiệp... Diện tích 79,28ha; mật độ xây dựng: 40%; hệ số sử dụng: 2,0; tầng cao tối đa: 05 tầng; khoảng lùi xây dựng so với tường rào các bên tối thiểu 6m.

- Các công trình khu dịch vụ công nghiệp và trung tâm điều hành: Các công trình nhà điều hành, trung tâm thương mại, khu nghỉ dưỡng, khu văn hóa thể thao, khu công viên cây xanh, các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước, cứu hỏa và các công trình phụ trợ khác,.... Hình thức kiến trúc các công trình hiện đại, nên xây dựng hợp khối, kết hợp nhiều khu cây xanh tạo cảnh quan và vi khí hậu.

h. Các khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

- Tổng cộng có 03 khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật chính với tổng diện tích 90,43ha, bao gồm: Trạm điện: 5,59ha; trạm cấp nước: 5,66ha; trạm xử lý nước thải: 79,18ha

i. Giao thông đường bộ, đường sắt: Tổng diện tích xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường sắt là 558,06ha (chiếm 11,19%).

k. Đất cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly và khu nước cảnh: Cây xanh được bố trí giữa các phân khu, nhằm tạo khoảng không gian cây xanh, tạo khoảng cách giữa các phân khu, đảm bảo yêu cầu phòng hỏa và bảo vệ môi

trường. Tổng diện tích các khu cây xanh, hồ nước và mặt nước cảng là 970,74ha.

3.2.3 Định hướng Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

a) Định quy hoạch hệ thống giao thông.

* Về giao thông đối ngoại:

- Đường sắt: Theo quy hoạch định hướng phát triển giao thông vùng biên giới Việt Trung sẽ hình thành tuyến đường sắt cao tốc Bãi Cháy – Móng Cái. Dự kiến sẽ xây dựng tuyến đường sắt chạy song song với tuyến đường trục chính của Khu công nghiệp – Cảng biển đầu nối với tuyến đường sắt cao tốc Bãi Cháy – Móng Cái. Xây mới tuyến đường sắt chuyên dụng phục vụ Khu công nghiệp, xây dựng mới nhà ga hoàn chỉnh đảm bảo chất lượng phục vụ vận chuyển khách và hàng hóa.

- Đường thủy: Xây dựng cảng tổng hợp Hải Hà tại khu vực Hòn Miều có công suất 30 – 45 triệu tấn/năm đảm bảo việc quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển vùng duyên hải Bắc Bộ. Quy mô, dự kiến xây dựng hệ thống bến cảng cho các cỡ tàu lớn như tàu container đến 80.000DWT (mớn nước 14,5m), tàu hàng tổng hợp 30.000DWT (mớn nước 10m), tàu hàng rời Panamax 70.000 DWT (mớn nước 14m) và được dự kiến phân chia thành các giai đoạn:

+ Giai đoạn đến năm 2015 xây dựng 03 bến tổng hợp, container cho tàu 30.000 – 80.000DWT, tổng công suất bến 9,1 triệu tấn/năm (tổng chiều dài bến 1.000m), xây dựng 04 bến hàng rời cho tàu lớn nhất đến 70.000DWT, công suất 7,4 triệu tấn/năm (tổng chiều dài bến 1.200m).

+ Giai đoạn 2016 – 2020 : Xây dựng thêm 03 bến tổng hợp, container, 01 bến hàng lỏng và 04 bến hàng rời, nâng tổng công suất của cảng lên 35,1 triệu tấn/năm (tổng chiều dài bến khoảng 4.300m).

+ Sau năm 2020 sẽ phát triển hệ thống cảng dọc theo lạch sâu sông Quát Đông, nối tiếp từ lạch sâu Cửa Đại đến khu vực nhà máy đóng tàu, nâng tổng chiều dài bến thành 10.000 – 13.200m, tổng công suất tối đa từ 72 – 100 triệu tấn/năm tùy thuộc mức độ phát triển của vành đai kinh tế và Khu công nghiệp.

- Đường bộ: UBND tỉnh đã có chỉ đạo xây dựng tuyến chính từ Quốc lộ 18 vào Khu công nghiệp – Cảng biển Hải Hà; chiều dài tuyến 8,7km; quy mô mặt cắt ngang 52m theo quy hoạch chung huyện Hải Hà.

* Giao thông trong khu công nghiệp - cảng biển:

Mạng lưới giao thông trong Khu công nghiệp - cảng biển được thiết kế theo mô hình ô vuông và hỗn hợp, kết nối thuận lợi với trục đường quốc gia và trục huyện. Cụ thể:

- Trục chính được nối với các trục giao thông chính bên ngoài như 18A, cao tốc Nội Bài- Hạ Long- Móng Cái, gồm 2 loại mặt cắt :

+ Mặt cắt 1-1 chỉ giới đường đỏ 52 m: Lòng đường: $15,0 \times 2 = 30,0\text{m}$; dải phân cách 6,0m; hè đường: $8,0 \times 2 = 16,0\text{m}$. Mặt cắt 2-2 chỉ giới đường đỏ 42,0 m: Lòng đường: $11,25 \times 2 = 22,5\text{m}$; dải phân cách 3,0m; hè đường: $8,0 \times 2 = 16\text{m}$.

+ Mặt cắt 3-3 chỉ giới đường đỏ 32,0 m: Lòng đường: $7,5 \times 2 = 15,0\text{m}$; hè đường: $8,5 \times 2 = 17\text{m}$. Mặt cắt 4-4 chỉ giới đường đỏ 25,50 m: Lòng đường: 11,50m; hè đường: $7,0 \times 2 = 14\text{m}$. Mặt cắt 5-5 chỉ giới đường đỏ 27,0 m: Lòng đường: $7,50 \times 2 = 15,0\text{m}$; hè đường: $6,0 \times 2 = 12\text{m}$.

- Một số thông số chính: Độ dốc dọc: 0% - 0,3%; bán kính đường cong nằm bó vỉa $\geq 30\text{m}$.

- Yêu cầu trước khi triển khai các bước tiếp theo tính toán bổ sung độ dốc ngang đường; giải pháp thiết kế kết cấu đường (kết cấu nền, kết cấu áo đường) trong Khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà.

b. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật.

* San nền: Cao độ san nền Khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà được thiết kế có cao độ $\geq +3,5\text{m}$ (cao độ quốc gia - hệ cao độ lục địa). Khối lượng đào đắp dự kiến: Khối lượng đất đào: 56.045.136,22 m³; khối lượng đắp: 179.641.629,74 m³.

- Nguyên tắc san nền chung là triệt để tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, phần đất đồi cao trong khu vực sẽ được san gạt tạo mặt bằng, đồng thời kết hợp việc nạo vét luồng, bến cảng bơm cát trực tiếp từ dưới biển để tạo mặt bằng Khu công nghiệp. Nghiên cứu phương án lấy cát từ bãi bồi khu vực gần đảo Vĩnh Thực và phía giáp luồng tàu chạy vào cảng Núi Đỏ Móng Cái, đây là khu vực cát bồi có trữ lượng rất lớn.

* Thoát nước mưa: Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa theo nguyên tắc triệt để sử dụng sông, hồ điều hòa và thiết kế các tuyến mương để đảm bảo việc thoát nước nhanh và an toàn nhất cũng như việc điều hòa nước mưa để giảm kích thước cống. Dựa vào địa hình, chia thành nhiều lưu vực thoát ra các kênh mương và biển gần nhất. Xây dựng các cống và cửa thoát nước có tiết diện từ D1000 – D2000 để thoát nước, toàn bộ hệ thống thoát nước mưa cho khu công nghiệp và khu cảng biển được chia ra làm các lưu vực như sau:

- Các lô sát biển được thoát nước trực tiếp ra biển đảm bảo thoát nước nhanh nhất và đường kính các ống phù hợp nhất.

- Các lô nằm giữa 2 tuyến mương 20m sẽ được thoát trực tiếp vào 2 mương này.

- Các lô CN4. và CN3 thoát trực tiếp vào sông Cái Đại Hoàng chảy ra biển.

- Các lô nằm gần hồ sẽ được thiết kế xả trực tiếp vào hồ được thông với kênh mương bằng các cống hộp.

c. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nhu cầu sử dụng nước: 94.393 m³/ngđêm.

- Nguồn nước: Giai đoạn đầu sử dụng nguồn nước sông Hà Cối và hồ Trúc Bài Sơn, tạo hồ lấy nước từ sông Pồ Lò, xây dựng 2 nhà máy nước Hà Cối và Tràng Vinh tổng công suất 110 m³/ ngày đêm. Để đảm bảo cấp nước cho các đô thị và Khu công nghiệp, dự kiến huyện Hải Hà sẽ xây dựng hai nhà máy nước Hà Cối và Tràng Vinh tổng công suất 110.000 m³/ngày đêm.

+ Giai đoạn dài hạn giữ nguyên nhà máy nước Quảng Hà công suất 6.000m³/ngày đêm, nâng công suất nhà máy nước Quảng Minh lên 80.000m³/ ngày đêm, bổ sung thêm nguồn nước sông Tài Chi sau khi hồ Tài Chi được xây dựng và tiếp tục khai thác nguồn nước hồ Tràng Vinh.

+ Nước cấp cho khu công nghiệp Hải Hà được lấy từ đường ống Ø600 mm, chạy trên trục chính Khu công nghiệp và Khu đô thị, điểm nút của đường ống Ø200 mm từ khu trung tâm và đường ống Ø600 mm chạy từ khu dân cư

Hải Hà qua cầu Hà Cối vào khu công nghiệp Hải Hà.

- Để đảm bảo cấp nước an toàn hiệu quả thống nhất phương án đầu mạng lưới đặt trạm bơm tăng áp với công suất 3933 m³/h áp lực dự kiến 45m, đảm bảo cấp nước đến điểm bất lợi nhất. Hệ thống mạng đường ống cấp nước thiết kế là mạng vòng khép kín để thuận lợi và an toàn cho việc cấp nước. Đường ống có đường kính từ Ø125 ÷ Ø600 mm dự kiến có tổng chiều dài 33,4km.

- Các thông số chính: Loại Ø600mm: 4.770m; loại Ø400mm: 7.351m; loại Ø300mm: 11.430m; loại Ø200mm: 20.760; loại Ø150mm: 33.570m; loại Ø125mm: 46.615m. Tổng cộng 125 km. Trụ cứu hỏa trên đường ống D125 là 834 trụ.

d. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

Tính toán phụ tải phụ thuộc rất nhiều vào loại hình nhà máy; thống nhất việc xác định công suất điện cho Khu công nghiệp – cảng biển Hải Hà sẽ dựa trên các số liệu, tiêu chuẩn về cấp điện cho các ngành công nghiệp tương tự ở các khu công nghiệp khác hiện có ở Việt Nam và có tham khảo các tài liệu về các khu công nghiệp tương tự.

- Tổng công suất tạm tính: 657.632,13 kVA ~ 658MVA.

- Nguồn điện và mạng điện: Nguồn 220KV: Dự kiến xây dựng mới 1 trạm công suất (2 x 250 + 3x63) MVA. Tổng chiều dài đường dây 220KV dự kiến dài 3.400 m đưa điện ra ngoài khu công nghiệp và đấu nối với điện lưới quốc gia. Trong giai đoạn đầu có thể triển khai 2 máy 63MVA gần tương đương với 20% phụ tải tính toán của toàn khu khi phụ tải điện dần lấp đầy thì nâng cấp trạm nên dần theo công suất yêu cầu; trong giai đoạn khởi động, khi chưa có nguồn điện lưới, trước mắt để phục vụ công tác thi công các công trình sẽ sử dụng máy diesel cấp điện cục bộ.

- Hệ thống phân phối điện: Lưới 22KV có các trạm phân phối 22/ 0,4 KV, lưới 0,4KV bên trong các nhà máy, xí nghiệp, lưới chiếu sáng đường. Tổng chiều dài đường dây 22KV dự kiến dài 200.000 m. Tất cả các tuyến điện 22KV phải được bố trí cáp điện đi ngầm. Từ trạm biến áp trung gian kéo các đường cáp điện ngầm 22KV theo tuynen kỹ thuật đi dọc theo các vỉa hè đường chính và đường chia lô để cung cấp điện cho các nhà máy. Quy hoạch dùng mạng điện mạch vòng để cấp điện cho các nhà máy và cảng biển để đảm bảo an toàn cấp điện cho Khu công nghiệp. Các tuyến dây sẽ cấp điện đến hàng rào nhà máy. Mỗi nhà máy sẽ tùy theo quy mô có thể có 1 trạm- 2 trạm biến áp hoặc hơn. Các trạm biến áp này sẽ lấy điện từ các tủ RMU có từ 4 đến 5 đầu ra để cấp điện cho các nhà máy. Trạm biến áp hạ áp 22KV/0.4KV có thể là trạm xây hoặc trạm treo, tùy điều kiện cụ thể của chủ đầu tư nhà máy. Các khu vực có yêu cầu cao về an toàn công nghiệp (gần đường ống dẫn dầu, vượt đường có mật độ xe tải cao...), yêu cầu mỹ quan đô thị cần sử dụng các đường dây cáp ngầm khô, ruột đồng, cách điện XLPE có tiết diện chung $S \geq 240 \text{ mm}^2$ và thực hiện đấu nối chuyên tiếp.

- Hệ thống chiếu sáng đường và sân bãi: Toàn bộ các đường chính, đường chia lô và các sân, kho bãi trong Khu công nghiệp – Cảng biển Hải Hà đều được chiếu sáng đèn đường đảm bảo quy định hiện hành. Đèn đường được bố trí dọc theo hai bên các đường chính, đường chia lô. Khoảng cách các cột đèn chiếu

sáng từ 30m - 35m. Các đèn pha chiếu sáng cho sân, bãi sẽ được bố trí khi có thiết kế cụ thể. Điều khiển đèn đường tại các trạm quản lý của khu công nghiệp.

e. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường (VSMT):

* Xử lý nước thải:

- Nước thải trong Khu công nghiệp - cảng biển dự kiến xây dựng theo 2 hệ thống thoát nước thải riêng, thoát nước mưa riêng. Nước thải bản được tập trung đưa về các trạm làm sạch để xử lý (tùy tính chất, loại hình công nghiệp có các trạm xử lý riêng). Các nhà máy khi xả nước thải công nghiệp ra hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp phải đảm bảo chất lượng nước thải công nghiệp ra khỏi nhà máy không thấp hơn mức C theo TCVN-5945-1995. Đối với ngành công nghiệp nặng, công nghiệp đặc thù như đóng tàu, luyện than, luyện cán thép, công nghiệp nhiệt điện... sẽ có những khu vực xử lý thải riêng theo quy trình quy phạm đặc thù của từng ngành và sẽ được chủ đầu tư nghiên cứu trong bước lập dự án.

- Lưu lượng tính toán xử lý: 67.532 m³/ng.đ

- Các trạm làm sạch nước thải công nghiệp được áp dụng các công nghệ xử lý phù hợp đối với từng loại hình công nghiệp, trong đó yếu tố quan trọng nhất là thành phần và tính chất nước thải. Bố trí 07 trạm xử lý nước thải 3.000 - 14.000 m³/ng.đ để xử lý nước thải cho Khu công nghiệp – Cảng biển Hải Hà.

* Quy hoạch chất thải rắn (CTR): Các loại hình chất (CTR) gồm CTR sinh hoạt và CTR công nghiệp. CTR công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất rất đa dạng do Khu công nghiệp có nhiều loại hình công nghiệp khác nhau. Thành phần và khối lượng CTR phụ thuộc vào từng loại hình công nghiệp và công nghệ. CTR công nghiệp phân thành 02 loại chính là CTR thông thường và CTR nguy hại. Phương pháp xử lý:

+ CTR sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn, có 02 thành phần chính CTR vô cơ và CTR hữu cơ. CTR hữu cơ được dùng để sản xuất thành phân vi sinh, CTR vô cơ (thủy tinh, giấy, nhựa, kim loại, sắt thép...) được thu hồi để tái chế. Các CTR còn lại không sử dụng được vào các mục đích trên được chôn lấp hợp vệ sinh.

+ CTR công nghiệp được tận thu. Các loại phế liệu có thể sử dụng được tận thu để tái chế hoặc tái sử dụng. Loại không sử dụng được chuyển đến khu xử lý tập trung. CTR công nghiệp nguy hại được xử lý riêng bằng nhà máy xử lý CTR công nghiệp, CTR không nguy hại sẽ được chôn lấp hợp vệ sinh.

- Tổ chức thu gom, xử lý chất thải rắn (CTR) và khí thải:

+ Đối với phế thải là dầu mỡ và các chất thải khác không được đổ bừa bãi và tránh để rơi vãi khi vận chuyển. Từng cơ sở sản xuất, nhà máy phải có hệ thống thu gom và xử lý rác theo quy trình.

+ Khí thải của các nhà máy trước khi thải ra không khí phải đảm bảo các yêu cầu về nồng độ giới hạn theo quy định trong tiêu chuẩn TCVN-5937-95, 5938-95, 5939-95, 5940-95: Chất lượng không khí, tiêu chuẩn khí thải công nghiệp khói và bụi – các chất vô cơ và hữu cơ. Trong từng nhà máy phải thiết kế hệ thống xử lý khí thải riêng.

- Đối với chất thải rắn cần phải có biện pháp xử lý riêng theo quy trình xử lý rác thải. Hàng ngày chất thải rắn được thu gom và tập trung tại khu đầu mối hạ tầng, sau đó được tiến hành phân loại để tái chế hoặc có các biện pháp xử lý

cho phù hợp.

f. Hệ thống thông tin liên lạc: Hệ thống thông tin liên lạc trong khu công nghiệp sẽ được lắp đặt 1 tổng đài khoảng 5.000 số để đáp ứng nhu cầu thông tin cho toàn bộ Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà. Các đầu dây thông tin được nối vào các hộp đấu đến từng đơn vị, xí nghiệp. Hệ thống cáp thông tin liên lạc được bố trí theo hệ thống trực đường giao thông trong khu công nghiệp. Mạng thông tin liên lạc này đảm bảo liên hệ trực tiếp với trong nước và quốc tế.

4. Tổ chức thực hiện:

- Ủy ban Nhân dân huyện Hải Hà, Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh có trách nhiệm quản lý quy hoạch; phối hợp với Công ty cổ phần phát triển Hải Hà Indevco giải phóng mặt bằng; công bố, công khai quy hoạch; quản lý giám sát việc xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt; đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện các đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 236/TTr-SXD ngày 8/6/2012 khi hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500.

- Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định;

- Sở Tài chính tham mưu, đề xuất về giá thu tiền sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính của Dự án theo quy định;

- Các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng công trình trọng điểm thực hiện quản quản lý Nhà nước đối với Dự án; hướng dẫn, đôn đốc Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Hải Hà; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh; Giám đốc Công ty cổ phần phát triển Hải Hà Indevco căn cứ Quyết định thi hành./. 76

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 2 (thực hiện);
- V0-V3, QH2, QLĐĐ1, CN, TM2, TH1;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, QH1.

20 bản-QĐ93-06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Độc